` TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/02/2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung**
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**
Ông **Nguyễn Thành Nhạn**
Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Giang – Kiểm sát viên.
Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 590/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc ***"Tranh chấp ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa:
Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1965;
Địa chỉ: khóm B, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.
Bị đơn: Bà Lâm Thị Kim H, sinh năm 1970;
Địa chỉ: khóm B, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.
Ông T có đơn xin vắng mặt; bà H vắng mặt lần thứ hai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lâm Thị Kim H xây dựng hôn nhân năm 1989, hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn và đến thời điểm hiện tại cũng chưa đăng ký kết hôn. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng sống chung nhưng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn với nhau, từ đó ông và bà H đã ly thân khoảng 09 năm nay. Từ lúc ly thân đến nay ông và bà H không có gặp nhau hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng, hơn nữa tình cảm vợ chồng cũng không còn nên nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lâm Thị Kim H.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà H có ba người con chung tên Nguyễn Minh S, sinh năm 1990, Nguyễn Minh P, sinh năm 1993 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/11/2005; hiện tại các con chung đã thành niên và có cuộc sống ổn định nên khi ly hôn ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lâm Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bà H vắng mặt không có lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai trình bày quan điểm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử không công nhận ông Nguyễn Minh T và bà Lâm Thị Kim H là vợ chồng; về con chung, tài sản chung, nợ chung: do các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Án phí ông T phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ông Nguyễn Minh T yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Lâm Thị Kim H, bị đơn có địa chỉ tại thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Ông Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà H là phù hợp quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T xác định ông và bà H xây dựng hôn nhân vào năm 1989, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, việc kết hôn không được đăng ký thì không có giá trị pháp lý và tại Điều 14 quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Từ đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận ông Nguyễn Minh T và bà Lâm Thị Kim H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Do các con chung đã thành niên và các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Với những phân tích trên xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T phải nộp theo quy định của pháp luật. Bà H không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 9, Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Minh T và bà Lâm Thị Kim H là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Minh T phải nộp 300.000đ, ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008256 ngày 24 tháng 11 năm 2023 được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THADS thị xã Giá Rai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Cung